

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số: 317/CV-HUD1

V/v Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán
năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Mẫu CBTT/SGDCK HCM -02 Quy định 340/QĐ-SGDCKHCM)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD1

2. Mã chứng khoán: HU1

3. Trụ sở chính: Số 168 Giải Phóng, Thanh Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

4. Điện thoại: 024.38687557

Fax: 024.38686557

5. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo Tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2024

6. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty:
www.hud1.com.vn (mục quan hệ cổ đông).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Lương Công Tú



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101043264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*)

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company
Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán: HU1.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Dương Tất Khiêm	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên HĐQT - Người đại diện theo pháp luật
Ông Lê Đức Hiếu	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Thái Khanh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Thanh Hải	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/5/2024)
Ông Trần Vũ Anh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Số: 129/2025/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 được lập ngày 27/3/2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được chúng tôi kiểm toán có đưa ý kiến ngoại trừ về các khoản nợ phải thu khách hàng, phải thu khác chưa đánh giá được khả năng thu hồi, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình, dự án không biến động với giá trị tại ngày 31/12/2023 lần lượt là 14,12 tỷ đồng, 1,01 tỷ đồng và 47,83 tỷ đồng (trong đó, số liệu tồn đọng chủ yếu tại Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD1.02 tương ứng là 4,71 tỷ đồng, 1,01 tỷ đồng và 43,29 tỷ đồng). Đến ngày 31/12/2024, Công ty đã có các biện pháp thu nợ, quyết toán các số dư dở dang tồn đọng và đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD1.02 do đó đã xử lý được các nội dung trên và không còn ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến ngoại trừ về khoản phí dịch vụ quản lý căn hộ chung cư Sky Central 176 Định Công được ghi nhận sai kỳ với giá trị là 6,96 tỷ đồng. Trong năm 2024, Công ty đã ghi nhận đúng kỳ về các khoản thu phí này và không còn ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa đánh giá lại khả năng thu hồi đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đại Thiên Lộc có giá gốc là 13 tỷ đồng, trong năm Công ty đã tiến hành chuyển nhượng khoản đầu tư này, do đó vấn đề này không còn ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Lê Mạnh Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		555.814.680.926	521.059.978.726
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		59.847.133.641	9.536.156.490
1. Tiền	111	5.1	59.847.133.641	9.536.156.490
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.780.000.000	6.230.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.780.000.000	6.230.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		400.115.515.948	376.232.095.099
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	137.581.805.873	131.537.663.933
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	68.907.352.246	60.602.189.080
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	194.933.273.755	185.399.158.012
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.306.915.926)	(1.306.915.926)
IV. Hàng tồn kho	140		65.552.322.118	107.136.027.016
1. Hàng tồn kho	141	5.7	65.552.322.118	107.136.027.016
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.519.709.219	21.925.700.121
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	115.197.636	119.761.818
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.363.583.231	21.180.695.056
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	40.928.352	625.243.247
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		126.040.740.646	109.559.836.978
(200=210+220+230+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.120.623.955	4.096.455.557
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.120.623.955	460.091.921
Nguyên giá	222		15.927.299.736	21.871.233.047
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.806.675.781)	(21.411.141.126)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	3.636.363.636
Nguyên giá	228		-	3.636.363.636
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
1. Nguyên giá	231		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		122.021.973.159	90.610.688.103
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.7	120.708.242.353	89.810.467.840
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.313.730.806	800.220.263
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	1.898.143.532	14.852.693.318
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		351.981.707	352.693.318
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.546.161.825	14.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		681.855.421.572	630.619.815.704
(270 = 100 + 200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		535.273.450.664	481.316.187.224
I. Nợ ngắn hạn	310		535.273.450.664	481.316.187.224
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	86.861.693.697	86.173.436.004
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	27.468.587.481	12.164.744.444
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	7.435.335.019	28.524.759.960
4. Phải trả người lao động	314		342.053.000	1.267.764.930
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	9.195.600.000	6.307.065.429
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	116.244.114.982	112.442.396.148
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	287.469.437.713	233.478.903.331
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		256.628.772	957.116.978
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		146.581.970.908	149.303.628.480
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	146.581.970.908	149.303.628.480
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.300.417.000	23.300.417.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.000.890.883	5.307.759.185
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.426.514.814	8.679.288.161
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a		7.576.065.374	8.721.034.062
- lũy kế đến cuối kỳ trước				
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.850.449.440	(41.745.901)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.854.148.211	12.016.164.134
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		681.855.421.572	630.619.815.704
(440 = 300 + 400)				

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Hồng Liễu



Vũ Thị Hồng Liễu



Lê Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	233.432.704.415	183.849.160.657
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	93.169.918
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	233.432.704.415	183.755.990.739
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	219.249.379.584	172.788.439.887
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.183.324.831	10.967.550.852
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.348.254.428	511.517.792
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.370.489.871	3.432.301.798
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.370.489.871	3.432.301.798
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	24		(711.611)	(595.461)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.276.601.559	8.139.004.376
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		(2.116.223.782)	(92.832.991)
12. Thu nhập khác	31	6.6	16.347.026.898	172.727.273
13. Chi phí khác	32	6.6	6.901.899.608	14.849.222
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.6	9.445.127.290	157.878.051
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.328.903.508	65.045.060
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.847.334.162	65.038.229
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.481.569.346	6.831
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3.850.449.440	(41.745.901)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		631.119.906	41.752.732
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	385,04	(4,17)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Tông Giám đốc



Vũ Thị Hồng Liễu



Vũ Thị Hồng Liễu



Lê Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.328.903.508	65.045.060
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		419.138.806	385.495.881
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.695.281.326)	(511.517.792)
Chi phí lãi vay	06		5.370.489.871	3.432.301.798
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.576.749.141)	3.371.324.947
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.716.190.544)	80.676.353.343
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.685.930.385	(16.871.019.840)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.533.787.789	(200.407.410.561)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.564.182	86.198.182
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.772.457.700)	(9.862.938.380)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.000.000)	(1.012.810.685)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	3.693.938
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(167.100.000)	(2.075.211.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.048.215.029)	(146.091.820.542)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & TS dài hạn khác	21		(3.941.765.578)	(838.118.263)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22		21.510.000.000	-
2. Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.550.000.000)	-
3. Thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	8.300.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		46.161.825	(1.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		12.908.387.961	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		395.873.590	511.517.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.368.657.798	6.473.399.529
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		270.259.705.753	227.920.019.596
2. Chi trả nợ gốc vay	34		(216.269.171.371)	(90.830.955.564)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		53.990.534.382	137.089.064.032
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		50.310.977.151	(2.529.356.981)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.536.156.490	12.065.513.471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.1	59.847.133.641	9.536.156.490

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Hồng Liễu



Vũ Thị Hồng Liễu



Lê Thanh Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101043264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán: HU1.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động của Công ty (không bao gồm số lao động của các Công ty con) tại ngày 31/12/2024 là 49 người (tại ngày 31/12/2023 là 57 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;

Hoạt động chính của Công ty năm: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây lắp của Công ty không được xác định một cách rõ ràng mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Công ty thực hiện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Công ty con	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101	Xây dựng công trình	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02 (đã thoái hết vốn trong năm)	Xây dựng công trình	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	Thiết kế, kinh doanh nội thất	20,0%	20,0%	20,0%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Phú Yên	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	15,0%	15,0%	15,0%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/20214 của Bộ tài chính hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, được ghi nhận theo giá mua và các chi phí có liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sở hữu nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê ngắn hạn hoặc dài hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác, là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay trích trước theo hợp đồng vay, lãi thanh toán vào cuối kỳ khi trả nợ gốc.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	2.905.816.865	6.419.025.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.941.316.776	3.117.130.757
Tổng	59.847.133.641	9.536.156.490

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hà Nội	10.780.000.000	10.780.000.000	6.230.000.000	6.230.000.000
Tổng	10.780.000.000	10.780.000.000	6.230.000.000	6.230.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Hoàng Gia	6.686.059.790	6.686.059.790
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	59.516.412.763	63.339.689.472
Công ty Cổ phần Xây dựng và PT CSHT số 9 Hà Nội	17.641.165.846	13.899.229.436
Tổng Công ty ĐT PT Đường Cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên	17.519.193.014	-
Tổng Công ty CP Đầu tư PT Xây dựng	5.766.570.095	9.443.002.568
Khách hàng mua nhà	11.891.669.996	14.237.932.037
Các khách hàng khác	18.560.734.369	23.931.750.630
Tổng	137.581.805.873	131.537.663.933

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn xây dựng Hoà Phúc	4.580.989.409	4.580.989.409
Công ty TNHH TM Đại Nam 68	2.501.745.000	2.501.745.000
Công ty TNHH Huy Hồng	3.352.521.284	3.241.461.395
Công ty Cổ phần CDC Hà Nội	31.225.606.199	31.225.606.199
Doanh nghiệp tư nhân Bảo Yến	1.959.592.952	1.959.592.952
Công ty TNHH MTV SX và TM Đức Chiến	1.991.890.000	1.991.890.000
Các khách hàng khác	23.295.007.402	15.100.904.125
Tổng	68.907.352.246	60.602.189.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.5 Phải thu khác ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng (*)	191.785.297.331	-	180.014.448.873	-
Ban QL kê đề biên chấn sòng	-	-	3.384.709.139	-
Dự án 176 Định Công	1.627.521.823	-	2.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.520.454.601	-	-	-
Tổng	194.933.273.755	-	185.399.158.012	-

(*) Tạm ứng cho các Đội thi công công trình.

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.306.915.926	-	1.306.915.926	-

<i>Trong đó:</i>	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
BQL CTKCH kênh mương - Lương Sơn - HB				30.132.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng Hà Nội H&H				238.000.000
Công ty CP XD Hoàng Hương				173.077.600
Công ty CP Đầu tư và xây dựng đô thị Hà Nội				60.656.000
Công ty CP Máy thiết bị, TM và XD Long Thành				120.787.310
Công ty CP Đầu tư Ngân Giang				48.660.000
Công ty TNHH TM và TB cơ giới XD Tân Đạt				112.819.999
Công ty CP Đầu tư thiết bị xây dựng Hà Nội				196.109.000
Các đối tượng khác				326.674.017
Tổng				1.306.915.926

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.7 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Hàng tồn kho	65.552.322.118	-	107.136.027.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	65.552.322.118	-	107.136.027.016	-
b) Tài sản dở dang dài hạn	120.708.242.353	-	89.810.467.840	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	120.708.242.353	-	89.810.467.840	-
Tổng	186.260.564.471	-	196.946.494.856	-

(i): Trong đó chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	65.552.322.118	107.136.027.016
Hoàn thiện mặt ngoài LK28 KĐT Kim Chung	9.518.847	3.834.390.488
Công trình kè biển - Gói thầu ND2.7	6.190.571.214	3.904.858.132
Nhà ở học sinh sinh viên A5 - A6	32.417.349.364	32.056.709.364
Nhà liên kề LKV-04A Mai Trai Sơn Tây	-	3.322.759.624
Các công trình khác (i)	26.934.882.693	64.017.309.408
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	120.708.242.353	89.810.467.840
Dự án 176 Định Công	119.180.526.659	88.640.838.146
Dự án khác	1.527.715.694	1.169.629.694
Tổng	186.260.564.471	196.946.494.856

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	115.197.636	119.761.818
Chi phí công cụ, dụng cụ	115.197.636	99.961.818
Chi phí khác	-	19.800.000
Tổng	115.197.636	119.761.818

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024				01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết	1.000.000.000	351.981.707		1.000.000.000	352.693.318	
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DÉCOR	1.000.000.000	351.981.707	(*)	1.000.000.000	352.693.318	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.546.161.825	1.546.161.825		14.500.000.000	14.500.000.000	
Công ty TNHH Đại Thiên Lộc (ii)	-	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000	(*)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Phú Yên (iii)	1.546.161.825	1.546.161.825	(*)	1.500.000.000	1.500.000.000	-
Tổng	2.546.161.825	1.898.143.532		15.500.000.000	14.852.693.318	

(i) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Trong năm Công ty chuyển nhượng quyền góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Đại Thiên Lộc cho Công ty CP Đầu tư Đô thị Hà Nội theo Biên bản thỏa thuận số 05/HĐ-HUD1 ngày 30/11/2024. Công ty thực hiện đối trừ số phải thu tiền chuyển nhượng quyền góp vốn này với khoản vay Công ty CP Đầu tư Đô thị Hà Nội.

(iii): Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401101725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15/12/2022. Trụ sở: Số 485 đường Hùng Vương, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Vốn điều lệ: 138.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 là 15% Vốn điều lệ, tương đương 41.400.000.000 đồng. Số vốn HUD1 đã góp đến 31/12/2024: 1.500.000.000 đồng. Số vốn góp của các cổ đông sẽ tiếp tục thực hiện theo tiến độ của dự án Khu dân cư phía Tây đường Lê Duẩn, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, hiện tại dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

5.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có diện tích 290m2 tại số 1 lô J, phường Bình Trung Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 đã được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT88874 ngày 26/12/2023. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nâng cấp trụ sở Công ty	1.313.730.806	1.313.730.806	800.220.263	800.220.263
Tổng	1.313.730.806	1.313.730.806	800.220.263	800.220.263

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế kỹ thuật Logik	16.833.756.785	16.833.756.785	22.329.644.014	22.329.644.014
Công ty TNHH MTV Tây Bắc - Chi nhánh Sơn Tây	-	-	4.375.484.270	4.375.484.270
Công ty TNHH MTV Tây Bắc - Chi nhánh Thăng Long	4.270.482.592	4.270.482.592	4.270.482.592	4.270.482.592
Công ty CP Đồng bằng E&C	5.474.621.576	5.474.621.576	-	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	5.805.459.584	5.805.459.584	5.805.459.584	5.805.459.584
Công ty CP Đầu tư xây dựng 688	4.971.810.584	4.971.810.584	5.471.810.584	5.471.810.584
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	3.927.502.634	3.927.502.634	5.927.502.634	5.927.502.634
Các đối tượng khác	45.578.059.942	45.578.059.942	37.993.052.326	37.993.052.326
Tổng	86.861.693.697	86.861.693.697	86.173.436.004	86.173.436.004

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	8.409.913.450	8.294.920.944
Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	-	3.042.581.220
Viện Kiểm định Quốc Gia Vắc Xin và sinh phẩm y tế	15.287.735.645	-
Các đối tượng khác	3.770.938.386	827.242.280
Tổng	27.468.587.481	12.164.744.444

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Phải thu	Phát sinh trong năm		Phải thu
	01/01/2024	Số đã khấu trừ	Số được khấu trừ	31/12/2024
Thuế thu nhập cá nhân	106.672.834	106.098.976	-	573.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	473.239.496	473.239.496	-	-
Thuế, phí và các khoản khác	45.330.917	4.976.423	-	40.354.494
Tổng	625.243.247	584.314.895	-	40.928.352

b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Phải nộp	Phát sinh trong năm		Phải nộp
	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2024
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	26.889.020.061	1.673.115.756	24.776.286.869	3.785.848.948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.526.692.408	40.000.000	2.486.692.408
Thuế thu nhập cá nhân	96.956.280	267.228.695	227.377.701	136.807.274
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	496.965.802	496.965.802	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	1.538.783.619	7.252.616.372	7.765.413.602	1.025.986.389
Tổng	28.524.759.960	12.222.619.033	33.312.043.974	7.435.335.019

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	218.367.930
Trích trước chi phí thi công cửa nhôm kính dự án 176 Định Công	-	2.628.836.000
Chi phí phải trả các công trình xây lắp khác	9.195.600.000	3.459.861.499
Tổng	9.195.600.000	6.307.065.429

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	610.068.365	638.355.585
Bảo hiểm thất nghiệp	109.879.095	111.648.583
Phải trả các đội thi công	70.903.531.454	65.698.819.827
Phí bảo trì dự án 176 Định Công	37.689.897.827	37.689.897.827
Các khoản phải trả khác	6.930.738.241	8.303.674.326
Tổng	116.244.114.982	112.442.396.148

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUĐI

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,

Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Vay ngắn hạn	01/01/2024		Số phát sinh trong năm			31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)	93.569.328.131	93.569.328.131	128.707.110.174	135.962.193.843	86.314.244.462	86.314.244.462	
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Hà Nội (2)	132.500.000.000	132.500.000.000	53.500.000.000	54.115.665.289	131.884.334.711	131.884.334.711	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (3)	-	-	10.352.593.584	196.837.039	10.155.756.545	10.155.756.545	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	4.017.612.341	4.017.612.341	-	4.017.612.341	-	-	
Vay cá nhân (4)	3.391.962.859	3.391.962.859	77.700.001.995	21.976.862.859	59.115.101.995	59.115.101.995	
Tổng	233.478.903.331	233.478.903.331	270.259.705.753	216.269.171.371	287.469.437.713	287.469.437.713	

(1): Bao gồm: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP ĐT& PT Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/135016/HĐTD ngày 22/11/2023. Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 200 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C tối đa tại mọi thời điểm là 85 tỷ đồng, bao gồm hạn mức thẻ tín dụng doanh nghiệp là 300 triệu đồng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: được gia hạn đến ngày 22/02/2025. Lãi suất cho vay và kỳ hạn trả nợ lãi được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Tài sản thế chấp gồm: Phương tiện vận tải và tài sản là quyền sử dụng đất của bên thứ ba.

Hợp đồng tín dụng số 01/2024/1619316/HĐTD ngày 04/12/2024. Hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa: 55.000.000.000 VND, trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh phát hành L/C của Khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, hợp đồng bảo lãnh cụ thể, hợp đồng phát hành L/C cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1619316/HĐTD ngày 25/10/2023 sang. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/06/2025. Biện pháp đảm bảo: hợp đồng cầm cố tiền gửi, cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, thế chấp quyền đòi nợ giữa Ngân hàng và Khách hàng; hợp đồng cầm cố tài sản câu bên thứ 3 ký giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Đức Khương và vợ là Bà Đỗ Thị Tuyết Chinh; hợp đồng cầm cố tiền gửi ký giữa Ngân hàng, ông Phạm Văn Khắc và Bà Nguyễn Thị Thu Trang;...



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(2): Các hợp đồng vay Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Hà Nội (HUD1) với tổng số tiền 186.000.000.000 đồng. Công ty đã được giải ngân đủ số vốn vay. Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay của các hợp đồng: không kỳ hạn, lãi suất vay 0,2%/năm. Các khoản vay không có tài sản đảm bảo. Trong năm Công ty đối trừ khoản phải trả tiền vay này với các khoản phải thu tiền chuyển nhượng quyền góp vốn hợp tác đầu tư tại Công ty CP Đại Thiên Lộc (Thuyết minh số 5.10), phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp và các khoản Công ty trả trước cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

(3): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng tín dụng hạn mức số 0060/2024/HDHM-PN/SHB.11130 ngày 06/06/2024. Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 200 tỷ đồng trong đó hạn mức vay vốn và bảo lãnh thanh toán tối đa 80 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay và kỳ hạn trả nợ lãi được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại phục vụ cho hoạt động thi công xây dựng các công trình, dự án mà Công ty ký hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư. Tài sản thế chấp: Toàn bộ các quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 35/HĐXD-VEC/2024 ký ngày 04/05/2024, Gói thầu A8: Xây dựng phần kết cấu kiến trúc (nhà trạm thu phí, văn phòng điều hành,..) thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành.

(iii): Khoản vay các cá nhân là cán bộ nhân viên Công ty HUD1, lãi suất 0%. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư 01/01/2023	100.000.000.000	23.300.417.000	5.307.759.185	12.102.522.113	11.974.411.401	152.685.109.699
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	(41.745.901)	41.752.733	6.832
Chia cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Tặng, giảm khác	-	-	-	(381.488.051)	-	(381.488.051)
Số dư 31/12/2023	100.000.000.000	23.300.417.000	5.307.759.185	8.679.288.161	12.016.164.134	149.303.628.480
Số dư 01/01/2024	100.000.000.000	23.300.417.000	5.307.759.185	8.679.288.161	12.016.164.134	149.303.628.480
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.850.449.440	631.119.906	4.481.569.346
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	-	(306.868.302)	(1.103.222.787)	(5.793.135.829)	(7.203.226.918)
Số dư 31/12/2024	100.000.000.000	23.300.417.000	5.000.890.883	11.426.514.814	6.854.148.211	146.581.970.908

Đơn vị tính: VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ông Vũ Nhật Tuấn	51.000.000.000	51.000.000.000
Các cổ đông khác	49.000.000.000	49.000.000.000
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	3.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Công ty Đá Quý Thế giới	376.978.000	376.978.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy SHINEC	64.166.800	64.166.800
BQL Dự án xây dựng tháp núi vua	735.355.000	735.355.000
Công ty Cổ phần Sinh học Dược phẩm Ba Đình	62.076.414	62.076.414
Tổng	1.238.576.214	1.238.576.214

Theo Biên bản họp HĐQT số 457A/BB-HĐQT ngày 31/8/2021: Đối với các khoản công nợ đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi trên được xác định là không có khả năng thu hồi sau thời gian dài và các khách hàng này không tìm được địa chỉ, không liên hệ được với Ban lãnh đạo khách hàng nên Công ty quyết định xóa nợ và theo dõi ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	212.209.972.904	150.855.256.654
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.901.076.544	10.663.373.750
Doanh thu dịch vụ khác	17.321.654.967	22.330.530.253
Tổng	233.432.704.415	183.849.160.657
<i>Giảm trừ doanh thu hoạt động xây lắp (*)</i>	-	93.169.918
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	212.209.972.904	150.762.086.736
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.901.076.544	10.663.373.750
Doanh thu dịch vụ khác	17.321.654.967	22.330.530.253
Tổng doanh thu thuần	233.432.704.415	183.755.990.739

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	202.753.646.552	145.774.354.900
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.619.808.926	10.256.552.426
Giá vốn dịch vụ	12.875.924.106	16.757.532.561
Tổng	219.249.379.584	172.788.439.887

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	395.873.590	511.517.792
Lãi thoái vốn đầu tư	952.380.838	-
Tổng	1.348.254.428	511.517.792

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi vay	5.370.489.871	3.432.301.798
Tổng	5.370.489.871	3.432.301.798

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.843.720.626	4.764.148.697
Chi phí khấu hao	619.691.500	165.689.352
Thuế, phí, lệ phí	61.730.601	12.113.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.454.174.422	2.784.772.770
Chi phí khác bằng tiền	297.284.410	412.280.079
Tổng	12.276.601.559	8.139.004.376

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	16.347.026.898	172.727.273
Lãi thanh lý TSCĐ, trong đó:	16.347.026.898	-
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	21.510.000.000	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	(5.162.973.102)	-
Thu nhập khác	-	172.727.273
Chi phí khác	6.901.899.608	14.849.222
Các khoản chậm nộp	6.898.599.588	9.849.222
Chi phí khác	3.300.020	5.000.000
Lợi nhuận khác	9.445.127.290	157.878.051

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.847.334.162	65.038.229
Tổng	2.847.334.162	65.038.229

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.850.449.440	(41.745.901)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.850.449.440	(41.745.901)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	385,04	(4,17)

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	85.469.451.843	91.880.634.605
Chi phí nhân công	20.604.359.438	33.155.937.376
Chi phí sử dụng máy thi công	622.873.141	4.236.953.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	619.691.500	473.071.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.315.376.953	53.270.389.453
Chi phí khác bằng tiền	720.291.812	1.609.318.988
Tổng	158.352.044.687	184.626.305.026

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Danh sách các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối liên hệ với Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD101	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 (đã thoái hết vốn trong năm)	Công ty con
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	Công ty liên kết
Thành viên chủ chốt của công ty: Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt Công ty	Ảnh hưởng đáng kể

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**a. Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Họ tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Tiền lương và thù lao của Hội đồng Quản Trị			
Dương Tất Khiêm	Chủ tịch HĐQT	306.428.128	341.938.956
Nguyễn Việt Phương	Thành viên HĐQT (Thôi nhiệm ngày 23/6/2022)	-	23.850.000
Lê Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	352.532.173	506.562.636
Lê Đắc Hiếu	Thành viên HĐQT	-	23.850.000
Tổng		658.960.301	896.201.592

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**a. Giao dịch với nhân sự chủ chốt (Tiếp theo)**

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền lương và thù lao của Ban Kiểm soát			
Bùi Thái Khanh	Trưởng ban	94.938.625	96.828.000
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	182.036.652	184.364.857
Lê Phương Anh	Thành viên (Từ nhiệm ngày 02/7/2023)	-	30.175.100
Tổng		276.975.277	311.367.957

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Trần Vũ Anh	Phó Tổng Giám đốc	282.236.530	317.836.152
Vũ Thị Hồng Liễu	Kế toán trưởng	226.177.860	170.811.609
Lương Công Tú	Người công bố thông tin (Bổ nhiệm ngày 23/6/2023)	156.334.223	180.518.159
Tổng		664.748.613	669.165.920

b. Giao dịch với các bên liên quan

1. Giao dịch khác với bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Phú Yên	Công ty liên kết	Góp vốn điều lệ	46.161.825	1.500.000.000

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc





Vũ Thị Hồng Liễu

Vũ Thị Hồng Liễu

Lê Thanh Hải